

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG

6 tháng đầu năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VĂN PHÒNG

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.226.758.873.132	5.134.872.476.174
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	65.016.586.599	17.654.781.328
1. Tiền	111		62.516.586.599	15.154.781.328
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.500.000.000	2.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.893.028.550	3.903.381.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	4.893.028.550	4.893.028.550
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	-	(989.647.550)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.393.875.394.652	1.194.471.540.238
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	1.139.396.962.142	1.170.299.655.511
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	242.595.829.300	13.381.774.206
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	23.222.982.624	20.943.043.393
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(11.340.379.414)	(10.152.932.872)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		3.744.859.323.307	3.655.318.087.659
1. Hàng tồn kho	141	V.7	3.744.859.323.307	3.655.318.087.659
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.114.540.024	263.524.685.949
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	433.520.524	504.772.193
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.217.874.641	258.470.154.071
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	4.463.144.859	4.549.759.685
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lộ I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẬN HÀNH

6 tháng đầu năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.017.652.953.676	2.035.444.242.819
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		155.296.446.107	173.505.155.336
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	149.205.789.886	167.299.205.455
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	6.090.656.221	6.205.949.881
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		100.310.605.642	86.481.869.864
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	93.914.648.782	80.009.619.284
- Nguyên giá	222		196.425.273.558	150.851.383.026
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(102.510.624.776)	(70.841.763.742)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	6.395.956.860	6.472.250.580
- Nguyên giá	228		7.821.692.743	7.821.692.743
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.425.735.883)	(1.349.442.163)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.600.223.149.388	1.604.772.321.592
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.11	1.596.890.857.859	1.596.713.172.345
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	3.332.291.529	8.059.149.247
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		157.751.428.651	170.124.149.601
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	126.039.350.000	126.039.350.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	16.635.910.000	16.635.910.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	53.460.000.000	53.460.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(38.383.831.349)	(26.011.110.399)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.071.323.888	560.746.426
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	3.983.926.867	473.349.405
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	87.397.021	87.397.021
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.244.411.826.808	7.170.316.718.993

N. 37
 QUẢN LÝ
 H. D. QUẢN LÝ
 H. D. QUẢN LÝ
 H. D. QUẢN LÝ
 H. D. QUẢN LÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẦN PHÒNG

6 tháng đầu năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		6.271.823.564.823	6.058.234.583.274
I. Nợ ngắn hạn	310		3.244.954.432.397	3.572.867.527.279
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a,c	1.259.191.204.626	1.336.734.683.971
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15a	520.380.731.334	293.367.816.714
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	3.463.977.277	37.328.021.734
4. Phải trả người lao động	314	V.18	2.882.014.434	5.626.757.838
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	330.388.846.126	317.809.209.232
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		59.984.661.214	21.251.502.016
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a,c	285.482.290.785	200.334.225.718
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a,c	783.030.176.376	1.360.375.746.587
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	-	39.563.469
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	150.530.225	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.026.869.132.426	2.485.367.055.995
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14b,c	1.471.578.982.217	1.471.578.982.217
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.15b	62.091.364.988	78.843.953.915
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.714.851.436	1.990.430.859
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b,c	5.963.450.177	5.970.343.034
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b,c	1.485.520.483.608	926.983.345.970
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

004136
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 KINH DOANH VÀ
 PHÁT TRIỂN
 BÌNH DƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẬN HÀNH


6 tháng đầu năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		972.588.261.985	1.112.082.135.719
I. Vốn chủ sở hữu	410		972.588.261.985	1.112.082.135.719
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	1.841.123.840	1.841.123.840
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.24	4.640.739.814	4.640.739.814
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.24	41.869.524.647	41.869.524.647
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24	(75.763.126.316)	63.730.747.418
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(43.356.154.186)	(37.255.349.260)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(32.406.972.130)	100.986.096.678
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7.244.411.826.808	7.170.316.718.993

Bình Dương, ngày 18 tháng 07 năm 2016


 Đỗ Ngọc Yến
 Người lập biểu


 Lý Thị Bình
 Kế toán trưởng


 Đoàn Văn Thuận
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27 Lối Đường Đông Hưng Khởi Hòa Phú TP TDM BD

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẠN PHÒNG

6 tháng đầu năm 2016

Mẫu số 802-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VẠN PHÒNG
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[01]	VI.1	199.558.102.141	183.479.064.989	375.492.755.173	374.046.967.638
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	[02]	VI.2	5.180.396.591	1.856.339.159	19.033.760.720	12.567.556.830
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp	[10]		194.377.705.550	181.622.725.830	356.458.994.453	361.479.410.808
4. Giá vốn hàng bán	[11]	VI.3	166.011.809.823	177.390.996.236	297.393.366.962	350.750.785.417
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	[20]		28.365.895.727	4.231.729.594	59.065.627.491	10.728.625.391
6. Doanh thu hoạt động tài chính	[21]	VI.4	9.360.892.631	6.729.705.111	9.403.778.638	7.174.425.769
7. Chi phí tài chính	[22]	VI.5	30.069.654.027	49.437.595.502	60.552.266.703	62.651.911.441
- Trong đó: Chi phí lãi vay	[23]		17.234.474.540	45.703.071.727	46.946.799.311	58.547.951.661
8. Chi phí bán hàng	[25]	VI.6	12.846.684.578	12.598.857.633	27.994.433.007	20.151.501.539
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	[26]	VI.7	7.479.030.515	7.633.366.134	13.483.026.992	12.025.496.266
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	[30]		(12.668.580.762)	(58.708.384.564)	(33.560.320.573)	(76.925.858.086)
11. Thu nhập khác	[31]	VI.8	1.347.230.270	11.283.057	2.833.131.298	1.638.418.092
12. Chi phí khác	[32]	VI.9	801.585.082	1.379.945.228	1.679.782.855	1.893.381.440
13. Lợi nhuận khác	[40]		545.645.188	(1.368.662.171)	1.153.348.443	(254.963.348)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	[50]		(12.122.935.574)	(60.077.046.735)	(32.406.972.130)	(77.180.821.434)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	[51]					
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	[52]					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	[60]		(12.122.935.574)	(60.077.046.735)	(32.406.972.130)	(77.180.821.434)



Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	[70]	VL10				
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	[71]	VL10				

Người lập biểu



Đỗ Ngọc Yến

Kế toán trưởng



Lý Thị Bình

Bình Dương, ngày 18 tháng 07 năm 2016

Trưởng Giám đốc




Đoàn Văn Thuận



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ VĂN PHÒNG

(Theo Phương pháp Trực tiếp)

6 tháng đầu năm 2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		669.227.771.896	485.127.126.755
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.138.623.251.253)	(506.103.241.984)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.227.675.944)	(14.465.446.131)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(34.256.080.709)	(34.410.536.251)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(33.630.517.354)	(27.532.269.562)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		749.573.704.799	171.311.178.121
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(122.768.663.087)	(74.724.999.950)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		78.295.288.348	(798.189.002)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(740.534.734)	(1.700.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		485.000.000	4.091.751.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.553.162.194	1.274.228.669
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.297.627.460	3.665.980.578
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		878.556.170.724	337.578.620.012
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(911.768.129.261)	(203.941.125.598)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(19.152.000)	(100.700.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.231.110.537)	32.936.994.414
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		47.361.805.271	35.804.785.990
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		17.654.781.328	19.207.428.717
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70		65.016.586.599	55.012.214.707

Bình Dương, ngày 18 tháng 07 năm 2016



Đỗ Ngọc Yến
Người lập biểu



Lý Thị Bình
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Văn phòng Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Văn phòng Công ty") kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Văn phòng Công ty là: Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, nhựa đường, bột đá, hóa chất (hóa chất không độc hại mạnh); Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp; Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Gia công chế biến đá xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất cầu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn; Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc; Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, điện tử; Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao; Lắp đặt hệ thống điện; Thoát nước và xử lý nước thải.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh trong hoạt động kinh doanh và sản xuất bê tông của Văn phòng Công ty không quá 12 tháng. Đối với các hoạt động kinh doanh của các dự án kinh doanh bất động sản, chu kỳ sản xuất kinh doanh theo thời gian quy định tại phương án kinh doanh.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV cửa sổ mùa xuân	Lô A-9B-CN, khu công nghiệp Bàu Bàng, xã Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.	Sản xuất, lắp ráp cửa các loại...	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV tư vấn đầu tư xây dựng Việt	Số 09, Khu Biệt Thự Dragon Hill, Đường Lê Lai, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	Tư vấn, thiết kế, xây dựng các công trình, nhà ở...	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang Becamex	Đường D1, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.	Sản xuất và cung cấp xi măng, bê tông cầu kiện...	58,00%	58,00%	58,00%
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Ấp Mương Đào, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.	Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng như: cát, đá,thép...	81,00%	81,00%	81,00%



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty liên doanh TNHH SinViet	Số 2B, Đại lộ Tự do, Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.	Sản xuất và phân phối nước uống đóng chai	50,00%	50,00%	50,00%
Trường Đại học quốc tế Miền Đông	Khu đô thị mới thuộc Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ và đô thị Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Đào tạo, giáo dục	24,00%	24,00%	24,00%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng Bình Dương	Số 236, Đường ĐT 743, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xi nghiệp bê tông trộn sẵn Mỹ Phước	Đường D1, khu công nghiệp Mỹ Phước 1, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh 3 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	175B Cao Thắng nối dài, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Áp 2, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Sản giao dịch bất động sản Myland	Số 26-27, tầng trệt, lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh 1 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Sản giao dịch bất động sản Myland	Số Q9-5,6,7 đường JF1B, Khu phố Thương mại Unitown, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
Chi nhánh 02 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng	Số 175 đường 359, xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Sản giao dịch bất động sản Myland tại Bàu Bàng	Số 1, lô A, Đường NC, khu đô thị dịch vụ và công nghiệp Bàu Bàng, Lai Uyên, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Văn phòng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Văn phòng Công ty và Văn phòng Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm Văn phòng Công ty có 208 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 234 nhân viên).

138
CÔNG TY
CỔ PHẦN
KINH DOANH
VÀ PHÁT
TRIỂN
BÌNH DƯƠNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

6-C
Y
AN
AMU
TRU
I DU
MOT

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Văn phòng Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Văn phòng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Văn phòng Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Bất động sản: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.
- Các công trình xây dựng dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với nguyên vật liệu, tính theo phương pháp thực tế đích danh đối với hàng hóa bất động sản và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Văn phòng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

Các chi phí khác

Chi phí khác bao gồm chi phí sửa chữa, thiết kế,... được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	23
Máy móc và thiết bị	05 - 18
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 08

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Văn phòng Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Văn phòng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 49 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Văn phòng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho

041
CÔNG
CỔ
KINH
PH
B
THỦ

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thuế và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Văn phòng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng cho bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 5% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

12. Trái phiếu thường

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chi phí phát hành trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp đường thẳng hoặc ghi tăng phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp lãi suất thực tế. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

826
CÔNG TY
PHÂN
DOANH
KINH DOANH
VÀ PHÁT TRIỂN
BÌNH DƯƠNG
THỦ DẦU MỘT

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông và trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Văn phòng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Văn phòng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Văn phòng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Văn phòng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản Văn phòng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Văn phòng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Văn phòng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Văn phòng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Văn phòng Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Văn phòng Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Văn phòng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

16. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Văn phòng Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh khoản trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phân ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Văn phòng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Văn phòng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

1041
CÔNG
CỐ
LIÊN
PH
BỘ
TH

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Văn phòng Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Văn phòng Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Văn phòng Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Văn phòng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.245.720.179	1.400.558.351
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	59.270.866.420	13.754.222.977
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) ^(*)	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	<u>65.016.586.599</u>	<u>17.654.781.328</u>

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 2.000.000.000 VND được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Văn phòng Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Văn phòng Công ty như sau:

3826
G TY
PHAN
JOAN
AT TP
NH D
C M

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMJ)	4.893.028.550	4.893.028.550		4.893.028.550	3.903.381.000	(989.647.550)
Cộng	4.893.028.550	4.893.028.550		4.893.028.550	3.903.381.000	(989.647.550)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(989.647.550)	(2.160.661.850)
Hoàn nhập dự phòng	989.647.550	954.159.800
Số cuối kỳ	0	(1.206.502.050)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	126.039.350.000	(38.280.895.936)	126.039.350.000	(25.908.174.986)
Công ty TNHH MTV cửa sổ mùa xuân ⁽ⁱ⁾	43.500.000.000	(32.854.413.723)	43.500.000.000	(23.492.509.423)
Công ty TNHH MTV tư vấn đầu tư xây dựng Việt ⁽ⁱⁱ⁾	15.219.350.000	(5.426.482.213)	15.219.350.000	(2.415.665.563)
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex ⁽ⁱⁱⁱ⁾	15.660.000.000	-	15.660.000.000	-
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex ^(iv)	51.660.000.000	-	51.660.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	16.635.910.000	(70.217.159)	16.635.910.000	(70.217.159)
Công ty liên doanh TNHH SinViet ^(v)	2.235.910.000	-	2.235.910.000	-
Trường Đại học quốc tế Miền Đông ^(vi)	14.400.000.000	(70.217.159)	14.400.000.000	(70.217.159)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	53.460.000.000	(32.718.254)	53.460.000.000	(32.718.254)
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	7.000.000.000	(32.718.254)	7.000.000.000	(32.718.254)
Công ty cổ phần dược Becamex	1.020.000.000	-	1.020.000.000	-
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	30.800.000.000	-	30.800.000.000	-
Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1	14.640.000.000	-	14.640.000.000	-
Cộng	196.135.260.000	(38.383.831.349)	196.135.260.000	(26.011.110.399)

⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701545462 thay đổi lần thứ 09 ngày 15 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Văn phòng Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV cửa sổ mùa xuân 43.500.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

H. VA
 KIẾN
 JONG
 T. T. B.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701535016 thay đổi lần thứ 11 ngày 23 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Văn phòng Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV tư vấn đầu tư xây dựng Việt 15.219.350.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700877200 thay đổi lần thứ 04 ngày 07 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Văn phòng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex 15.660.000.000 VND, tương đương 58,00% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700945605 thay đổi lần thứ 03 ngày 17 tháng 9 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Văn phòng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex là 51.660.000.000 VND, tương đương 81,00% vốn điều lệ.
- (v) Theo Giấy phép đầu tư số 061/GP-KCN-VS, ngày 17 tháng 6 năm 2002 do Trường ban quản lý Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Văn phòng Công ty đầu tư vào Công ty liên doanh TNHH SinViet 140.000,00 USD, tương đương 50% vốn điều lệ.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000047 ngày 29 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Văn phòng Công ty đầu tư vào Trường Đại học quốc tế Miền Đông 14.400.00.000 VND, tương đương 24% vốn điều lệ.

Văn phòng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(26.011.110.399)	(14.625.996.034)
Trích lập dự phòng bổ sung	(12.372.720.950)	(4.234.185.144)
Số cuối kỳ	(38.383.831.349)	(18.860.181.178)

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch giữa Văn phòng Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty TNHH MTV cửa sổ mùa xuân		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm		3.836.397.699
Cung cấp dịch vụ	132.000.000	66.000.000
Nhận cung cấp dịch vụ thi công cửa		3.103.457.160
Công ty TNHH MTV tư vấn đầu tư xây dựng Việt		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	13.693.919.431	32.146.547.749
Bán tài sản cố định	355.000.000	
Mua dịch vụ thi công công trình	16.345.821.716	26.564.172.026
Cổ tức được chia		1.321.214.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Cung cấp dịch vụ	490.013.490	75.672.629
Sang nhượng điện	77.825.750	72.173.653
<i>Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex</i>		
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	4.594.844.020	650.577.500
Cổ tức được chia	4.860.000.000	4.068.755.680
<i>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang Becamex</i>		
Mua nguyên vật liệu	4.704.179.976	3.801.491.661
Bán tài sản	130.000.000	-
Cổ tức được chia	1.879.200.000	783.000.000
<i>Công ty liên doanh TNHH SinViet</i>		
Mua nước tinh khiết	-	5.540.000
3. Phải thu khách hàng		
3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	668.218.890.068	654.346.841.742
Công ty TNHH MTV cửa sổ mùa xuân	35.253.287.308	35.802.040.258
Công ty TNHH MTV tư vấn đầu tư xây dựng Việt	52.697.374.382	44.586.591.141
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	2.100.000.000	2.100.000.000
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	3.410.764.628	11.126.780.173
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	3.278.276.802	3.278.276.802
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông	10.192.291.202	10.192.291.202
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	464.885.008.341	468.194.089.043
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật		1.500.004
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex		
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV	93.017.378.024	78.098.176.292
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex		108.829.380
Công ty TNHH MTV cấp thoát nước - môi trường Bình Dương	9.312.066	82.425.610
Công ty cổ phần bê tông Becamex	3.375.197.315	775.841.837
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	471.178.072.074	515.952.813.769
Phải thu các khách hàng mua bất động sản khác	355.325.007.207	396.419.251.575
Phải thu các khách hàng khác	115.853.064.867	119.533.562.194
Cộng	<u>1.139.396.962.142</u>	<u>1.170.299.655.511</u>
3b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	7.288.793.487	7.288.793.487
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV	3.199.013.487	3.199.013.487
Công ty TNHH MTV tư vấn đầu tư xây dựng Việt	89.780.000	89.780.000
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	4.000.000.000	4.000.000.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	141.916.996.399	160.010.411.968

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các khách hàng khác	141.916.996.399	160.010.411.968
Cộng	149.205.789.886	167.299.205.455

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước các bên liên quan</i>	<i>225.667.000.000</i>	<i>3.721.868.770</i>
Công ty CP Kinh Doanh Và Đầu Tư BD	225.667.000.000	-
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex		3.721.868.770
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>16.928.829.300</i>	<i>9.659.905.436</i>
Công Ty Cổ Phần Nam Việt Phát	6.460.542.084	
Công ty TNHH Hunter Douglas Việt Nam		182.734.443
Ông Lương Anh Cường	2.677.500.000	2.677.500.000
Công ty cổ phần kỹ thuật quốc tế	837.109.829	1.414.329.443
Các nhà cung cấp khác	6.953.677.387	5.385.341.550
Cộng	242.595.829.300	13.381.774.206

5. Phải thu khác

5a. Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>6.446.124.485</i>	<i>-</i>	<i>1.603.374.485</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH MTV cửa sổ mùa xuân - Cổ tức phải thu	1.561.000.000	-	1.561.000.000	-
Công Ty CP VLXD Becamex- Cổ tức phải thu	4.860.000.000	-		-
Công ty TNHH MTV cửa sổ mùa xuân - Phải thu khác	25.124.485	-	42.374.485	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>14.483.060.521</i>	<i>-</i>	<i>19.339.668.908</i>	<i>-</i>
Cổ tức phải thu	3.242.453.015	-	1.485.653.015	-
Tạm ứng cho nhân viên	10.751.408.537	-	7.901.668.125	-
Lệ phí trước bạ phải thu	1.600.737.121	-	1.498.335.510	-
Lãi dự thu		-	6.047.437.500	-
Các khoản phải thu khác	1.182.259.466	-	2.406.574.758	-
Cộng	23.222.982.624	-	20.943.043.393	-

5b. Phải thu khác dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>649.003.039</i>	<i>-</i>	<i>649.003.039</i>	<i>-</i>
Công ty liên doanh TNHH SinViet - Tạm ứng vốn	649.003.039	-	649.003.039	-
<i>Phải thu các tổ chức và các cá nhân khác</i>				

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

004
CỔ
CỔ
PH
B
THU D

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>nhân khác</i>	5.441.653.182	-	5.556.946.842	-
Thuế GTGT đầu ra tạm nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	4.758.529.100	-	4.467.463.257	-
Ký quỹ	328.050.000	-	500.864.400	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	355.074.082	-	588.619.185	-
Cộng	6.090.656.221	-	6.205.949.881	-

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Đại Quang Long - Phải thu tiền bán bê tông Trên 3 năm		1.156.731.822		Từ 2 năm đến 3 năm	1.314.205.994	394.261.798
Công ty cổ phần Hoàng Duyên - Phải thu tiền bán vật liệu xây dựng Trên 3 năm		3.599.519.099	-	Trên 3 năm	3.599.519.099	-
Phải thu các đơn vị và cá nhân khác Từ 6 tháng đến 3 năm		9.607.317.097	3.023.188.604	Từ 6 tháng đến 3 năm	8.450.005.323	2.816.535.746
Cộng		14.363.568.018	3.023.188.604		13.363.730.416	3.210.797.544

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(10.152.932.872)	(6.965.703.252)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.187.446.542)	(2.303.435.758)
Số cuối năm	(11.340.379.414)	9.269.139.010

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.982.861.246	-	1.367.940.479	-
Công cụ, dụng cụ	723.232.264	-	547.778.686	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	3.231.812.434.794	-	3.148.656.168.260	-
Hàng hóa	506.523.563.370	-	504.746.200.234	-
Thành phẩm	817.231.633	-	-	-
Cộng	3.744.859.323.307	-	3.655.318.087.659	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Quyền sử dụng đất tại Khu đô thị - công nghiệp - dịch vụ VSIP Hải Phòng có giá trị sổ sách tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 343.000.813.805 VND được dùng thế chấp tại Ngân hàng liên doanh VID Public - Chi nhánh Bình Dương để đảm bảo cho các khoản vay của Văn phòng Công ty tại Ngân hàng này.

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	11.218.278	2.669.316
Chi phí sử dụng đường bộ	304.979.079	
Chi phí thuê văn phòng	87.120.000	502.102.877
Chi phí khác	30.203.167	
Cộng	433.520.524	504.772.193

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	56.521.261	97.984.981
Chi phí thuê đất	3.638.471.074	-
Chi phí sửa chữa	238.934.529	292.031.091
Chi phí khác	50.000.003	83.333.333
Cộng	3.983.926.867	473.349.405

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	30.791.509.430	4.027.511.035	114.787.895.841	1.161.205.635	83.261.085	150.851.383.026
Mua trong năm	3.995.975.975	931.818.182				4.927.794.157
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-			-
Tăng do điều chuyển nội bộ	9.792.978.359	37.176.271.520	5.225.388.783		-	52.194.638.662
Thanh lý, nhượng bán			(1.056.750.499)		-	(1.056.750.499)
Giảm do điều chuyển nội bộ	(3.995.975.975)	(5.653.763.086)	(842.052.727)			(10.491.791.788)
Số cuối kỳ	40.584.487.789	36.481.837.651	118.114.481.398	1.161.205.635	83.261.085	196.425.273.558
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.861.301.586	705.787.717	8.034.209.197	818.845.308	83.261.085	12.503.404.893
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	12.508.436.161	2.060.400.501	55.223.527.924	966.138.071	83.261.085	70.841.763.742
Khấu hao trong năm	2.365.363.566	1.176.264.593	6.390.015.308	45.133.828	-	10.976.777.295
Tăng khác do điều chuyển nội bộ	5.134.552.427	15.947.242.734	3.277.916.944		-	24.359.712.105
Thanh lý, nhượng bán			(847.524.020)		-	(847.524.020)
Giảm do điều chuyển nội bộ		(2.411.033.026)	(409.071.320)			(2.820.104.346)
Số cuối kỳ	20.008.352.154	17.772.874.802	63.634.864.836	1.011.271.899	83.261.085	102.510.624.776

S-C-T
 N
 H VÀ
 HIỂN
 SONG
 T-B

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	18.283.073.269	1.967.110.534	59.564.367.917	195.067.564	-	80.009.619.284
Số cuối kỳ	20.576.135.635	18.708.962.849	54.479.616.562	149.933.736	-	93.914.648.782
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 114.138.368.091 VND và 61.300.530.978 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.629.372.000	192.320.743	7.821.692.743
Số cuối kỳ	7.629.372.000	192.320.743	7.821.692.743
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	192.320.743	192.320.743
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.157.121.420	192.320.743	1.349.442.163
Khấu hao trong năm	76.293.720	-	76.293.720
Số cuối kỳ	1.233.415.140	192.320.743	1.425.735.883
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.472.250.580	-	6.472.250.580
Số cuối kỳ	6.395.956.860	-	6.395.956.860
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Toàn bộ quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án Sunriver	45.527.273	45.527.273	45.527.273	45.527.273
Dự án phố Sông Cẩm	400.740.858.698	400.740.858.698	400.722.930.392	400.722.930.392
Dự án Hiland Park - BB	87.320.622.774	87.320.622.774	87.320.622.774	87.320.622.774
Dự án TDC Plaza	550.357.519.816	550.357.519.816	563.889.136.565	563.889.136.565
Dự án Unitown – Giai đoạn 2	558.426.329.298	544.758.855.341	544.734.955.341	544.734.955.341

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Cộng	1.596.890.857.859	1.596.890.857.859	1.596.713.172.345	1.596.713.172.345

Các dự án bị trì hoãn do Văn phòng Công ty đang thiếu vốn để tiếp tục thực hiện.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	3.329.818.182	504.260.400	(58.220.000)	(1.148.000.000)	2.627.858.582
Trạm trộn bê tông huyện Chơn Thành	4.729.331.065	844.676.039	(4.869.574.157)	-	704.432.947
Cộng	8.059.149.247	1.348.936.439	(4.927.794.157)	(1.148.000.000)	3.332.291.529

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	87.397.021	176.960.700
Số hoãn nhập trong báo cáo kết quả kinh doanh		
Cộng	87.397.021	176.960.700

14. Phải trả người bán

14a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.058.553.968.927	1.073.755.834.227
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV	922.617.822.857	922.837.034.857
Công ty cổ phần dược Becamex	90.591.787.548	91.283.617.548
Công ty xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex	9.521.403.723	8.245.833.473
Công ty cổ phần bê tông Becamex	63.070.525	2.456.960
Công ty TNHH MTV tư vấn đầu tư xây dựng Việt	5.089.497.541	19.165.007.426
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex	24.143.074.103	22.035.935.753
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	970.359.652	-
Công ty liên doanh TNHH SinViet		6.932.200
Công ty TNHH MTV cửa sổ mùa xuân	5.556.952.978	10.179.016.010
Phải trả cho các đối tượng khác	200.637.235.699	262.978.849.744
Cộng	1.259.191.204.626	1.336.734.683.971

14b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.471.578.982.217	1.471.578.982.217
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV	680.410.500.000	680.410.500.000
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình	791.168.482.217	791.168.482.217

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dương		
Cộng	1.471.578.982.217	1.471.578.982.217

14c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH VSIP Hải Phòng	17.145.443.560	24.145.443.560
Công ty TNHH xây dựng thương mại Nguyễn Hoàng	1.607.796.737	5.121.348.125
DNTN Đại Thiên Phú	11.946.256.223	
Cty TNHH MTV Văn Tiến Nghĩa	7.245.495.756	
Cty TNHH Nghĩa Thành	20.085.125.879	
Các nhà cung cấp khác	61.114.246.659	79.789.971.884
Cộng	119.144.364.814	109.056.763.569

15. Người mua trả tiền trước

15a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	<i>483.716.104.714</i>	<i>263.910.417.283</i>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV	483.716.104.714	263.910.417.283
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>33.664.626.620</i>	<i>29.457.399.431</i>
Cộng	520.380.731.334	293.367.816.714

15b. Người mua trả tiền trước dài hạn

Khoản ứng trước của các khách hàng không phải bên liên quan mua hàng hóa bất động sản.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa		(4.169.185.416)				(4.169.185.416)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	37.101.687.067		(33.638.208.190)		3.463.478.877	
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp từ tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	225.854.267	-	(225.854.267)			
Thuế thu nhập cá nhân		(380.574.269)	86.614.826			(293.959.443)
Thuế tài nguyên	480.400	-	2.801.600	(2.783.600)	498.400	-
Thuế môn bài	-	-	10.000.000	(10.000.000)	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

1.004
CÔNG
CỔ
PHẦN
HỮU
HẠN

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Cộng	37.328.021.734	(4.549.759.685)	99.416.426	(33.876.846.057)	3.463.977.277	(4.463.144.859)

Thuế giá trị gia tăng

Văn phòng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Văn phòng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Văn phòng Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Văn phòng Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Văn phòng Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bán giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Văn phòng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 06 năm 2016 phải trả người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	27.285.706.666	24.043.850.855
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV - Lãi trả chậm cho khoản cổ tức chưa chi	27.285.708.666	24.043.850.855
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	303.103.137.460	293.765.358.377
Chi phí lãi vay	14.860.900.207	8.464.600.831
Phí quản lý TSDB- TK trái phiếu	4.090.909.091	
Trích trước chi phí công trình	284.151.328.162	285.300.757.546
Cộng	330.388.846.126	317.809.209.232

138
IG T
PH
ION
T T
H D
MÔ

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Khoản lãi bán nhà trả góp.

20. Phải trả khác

20a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>221.012.150.000</i>	<i>160.311.650.000</i>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV- Phải trả về cổ tức	221.012.150.000	160.311.650.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>64.470.140.785</i>	<i>40.022.575.718</i>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.978.268.346	630.925.112
Cổ tức phải trả	39.500.947.192	220.599.192
Phải trả tiền mua cổ phần	288.000.000	9.105.447.834
Tiền thanh lý hợp đồng các dự án chưa chi cho khách hàng	18.483.370.517	19.738.876.276
Thu tiền đặt cọc, đặt chỗ các dự án	1.946.139.010	7.897.673.010
Nhận ký quỹ ngắn hạn	349.100.000	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.924.315.720	2.429.054.294
Cộng	<u>285.482.290.785</u>	<u>200.334.225.718</u>

20b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phí bảo trì dự án TDC Plaza	5.753.450.177	5.745.343.034
Nhận ký quỹ dài hạn	210.000.000	225.000.000
Cộng	<u>5.963.450.177</u>	<u>5.970.343.034</u>

20c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Văn phòng Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ tài chính

21a. Vay và nợ tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>735.760.789.293</i>	<i>735.760.789.293</i>	<i>1.290.106.359.504</i>	<i>1.290.106.359.504</i>
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽¹⁾			697.832.199.338	697.832.199.338
Ngân hàng liên doanh VID Public - Chi nhánh Bình Dương ⁽²⁾	600.995.808.127	600.995.808.127	35.984.291.047	35.984.291.047
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi	6.160.760.347	6.160.760.347		

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
nhánh Bình Dương ^(a)			59.945.381.458	59.945.381.458
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ^(b)	57.097.413.988	57.097.413.988	21.010.487.661	21.010.487.661
Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TPHCM ^(c)			475.334.000.000	475.334.000.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23b)</i>	<i>47.269.387.083</i>	<i>47.269.387.083</i>	<i>70.269.387.083</i>	<i>70.269.387.083</i>
Cộng	783.030.176.376	783.030.176.376	1.360.375.746.587	1.360.375.746.587

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng với lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình và vô hình của Văn phòng Công ty (xem thuyết minh số V.9 và V.10).
- (b) Khoản vay Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng với lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại khu đô thị - Công nghiệp dịch vụ VSIP Hải phòng (xem thuyết minh số V.10).
- (c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng với lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải là tài sản cố định hữu hình của Văn phòng Công ty (xem thuyết minh số V.9).
- (d) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng với lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất Phú Chánh C, D.
- (e) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh TPHCM để thanh toán tiền đầu tư dự án Dragon Hill với lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.290.106.359.504	334.422.559.050	-	(888.768.129.261)	735.760.789.293
Vay dài hạn đến hạn trả	70.269.387.083	-	-	(23.000.000.000)	47.269.387.083
Cộng	1.360.375.746.587	334.422.559.050		911.768.129.261	783.030.176.376

21b. Vay và nợ tài chính dài hạn



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số có khả năng		Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Giá trị	trả nợ
<i>Trái phiếu thường</i>	<i>884.660.285.417</i>	<i>900.000.000.000</i>	<i>886.983.345.970</i>	<i>900.000.000.000</i>
Mệnh giá trái phiếu ^(i,ii)	900.000.000.000	900.000.000.000	900.000.000.000	900.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(15.339.714.583)		(13.016.654.030)	
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>600.860.198.191</i>	<i>600.860.198.191</i>	<i>40.000.000.000</i>	<i>40.000.000.000</i>
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	560.860.198.191	560.860.198.191		
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ^(iv)	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
Cộng	1.485.520.483.608	1.500.860.198.191	926.983.345.970	940.000.000.000

(i) Trái phiếu thường và có đảm bảo kỳ hạn 5 năm, được phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á để thanh toán tiền mua đất khu Phú Chánh C, D cho Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV.

- Ngày phát hành: 27/12/2014
- Ngày đáo hạn: 27/12/2019
- Số lượng trái phiếu phát hành : 400 trái phiếu
- Giá mua trái phiếu : 1.000.000.000 VND/ trái phiếu
- Kỳ trả lãi: 6 tháng/lần.
- Lãi suất: Năm đầu tiên: 12%/năm. Từ kỳ thứ ba trở đi lãi suất trái phiếu được xác định theo nguyên tắc bằng tổng của lãi suất tham chiếu được xác định bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng của 04 ngân hàng gồm Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất cộng biên độ 4,0%.
- Tài sản Bảo đảm: 16 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tổng diện tích 119.296,1 m² quy hoạch xây dựng khu nhà liên kế, nhà phố thuộc dự án Khu dân cư Hòa Lợi nằm trong Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV (Becamex IDC).

(ii) Trái phiếu thường và có đảm bảo kỳ hạn 5 năm được phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán tiền đầu tư dự án Dragon Hill cho Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương.

- Ngày phát hành: 30/09/2015
- Ngày đáo hạn: 30/09/2020
- Số lượng trái phiếu phát hành: 500 trái phiếu
- Giá mua trái phiếu: 1.000.000.000 VND/trái phiếu.
- Kỳ trả lãi: 6 tháng/lần.
- Lãi suất: Năm đầu tiên: 11,5%/năm. Từ kỳ thứ ba trở đi lãi suất trái phiếu được điều chỉnh theo kỳ điều chỉnh lãi suất 6 tháng/lần và xác định theo nguyên tắc bằng tổng của lãi suất tham chiếu được xác định bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VND trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng của 04 ngân hàng gồm Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch, Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Sở giao dịch tại ngày xác định lãi suất cộng biên độ 3,5%/năm.

Tài sản Bảo đảm: 13 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV (Becamex IDC).

- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để đầu tư xây dựng dự án khu phố thương mại Uni-Town (giai đoạn 1) với lãi suất 9,5% năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của Văn phòng Công ty bao gồm 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương trị giá 556.668.000.000 VND.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để mua Nhà máy sản xuất bê tông Sông Thần 3 và Mỹ Phước 1 với lãi suất năm đầu tiên là 8,5%/năm, từ năm thứ 2 trở đi áp dụng lãi suất cho vay dài hạn VND cộng biên độ 3,3%. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản tiền gửi có kỳ hạn và một số tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.1 và V.9).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
Số cuối kỳ			
Vay dài hạn ngân hàng	648.129.585.274	47.269.387.083	600.860.198.191
Trái phiếu thường	884.660.285.417	-	884.660.285.417
Cộng	1.532.789.870.691	47.269.387.083	1.485.520.483.608
Số đầu năm			
Vay dài hạn ngân hàng	110.269.387.083	70.269.387.083	40.000.000.000
Trái phiếu thường	886.983.345.970	-	886.983.345.970
Cộng	997.252.733.053	70.269.387.083	926.983.345.970

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền trả nợ gốc vay	Chi phí phát hành trái phiếu phát sinh trong kỳ	Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	40.000.000.000	560.860.198.191	-	-	-	600.860.198.191
Trái phiếu thường	886.983.345.970	-	-	(4.545.454.545)	2.222.393.992	884.660.285.417
Mệnh giá trái phiếu	900.000.000.000	-	-	-	-	900.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu (13.016.654.030)	-	-	-	(4.545.454.545)	2.222.393.992	(15.339.714.583)
Cộng	926.983.345.970	560.860.198.191	-	(4.545.454.545)	2.222.393.992	1.485.520.483.608

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21c. Vay và nợ tài chính quá hạn chưa thanh toán

Văn phòng Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	39.563.469
Hoàn nhập trong kỳ	<u>(39.563.469)</u>
Số cuối kỳ	<u>0</u>

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.592.916.592)	5.996.901.604		(5.352.952.750)	(948.967.738)
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	614.497.963	1.090.000.000	-	(605.000.000)	1.099.497.963
Cộng	<u>(978.418.629)</u>	<u>7.086.901.604</u>		<u>(5.957.952.750)</u>	<u>150.530.225</u>

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV	607.005.000.000	607.005.000.000
Các cổ đông khác	392.995.000.000	392.995.000.000
Cộng	<u>1.000.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000.000</u>

24c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

04131
 CÔNG
 CỔ PHẦN
 HỮU
 HỮU
 BÌNH DƯƠNG
 THỦ DẦU MỘT

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Văn phòng Công ty có nợ khó đòi đã xử lý liên quan đến khoản phải thu tiền bán vật liệu xây dựng cho Công ty TNHH MTV xây dựng Trần Hòa Phát và Doanh nghiệp tư nhân Hiệp Thành với số tiền lần lượt là 4.117.350 VND và 10.106.927 VND đã được xóa sổ do 2 công ty này đã giải thể.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu kinh doanh vật liệu xây dựng	55.061.069.064	284.526.708.568
Doanh thu bán thành phẩm	234.545.958.433	-
Doanh thu kinh doanh bất động sản và thi công xây dựng	74.931.333.316	87.664.487.426
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.954.394.360	1.855.771.644
Cộng	375.492.755.173	374.046.967.638

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV		
Bán hàng hóa	2.916.506.375	24.106.970.512
Bán thành phẩm, bất động sản		
Xây dựng công trình	55.493.281.294	75.900.614.441
Cung cấp dịch vụ	742.716.990	1.584.660
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	27.582.937.166	1.099.972.062
Cung cấp dịch vụ	1.226.989.467	57.190.782
Công ty cổ phần bê tông Becamex		
Bán thành phẩm	3.045.315.760	276.430.837
Cung cấp dịch vụ	23.045.432	
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước		
Xây dựng công trình		
Cung cấp dịch vụ	79.909.097	145.454.544
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex		
Bán thành phẩm bê tông	27.659.100	
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Kỹ Thuật		
Bán thành phẩm bê tông		11.741.373

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu trong năm là hàng hóa bất động sản bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn kinh doanh vật liệu xây dựng	51.189.527.816	277.475.830.312
Giá vốn thành phẩm	187.764.035.466	
Giá vốn kinh doanh bất động sản và thi công xây dựng	51.518.004.368	71.823.949.655
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.921.799.312	1.451.005.450
Cộng	<u>297.393.366.962</u>	<u>350.750.785.417</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	(20.555.556)	159.227.778
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	96.167.217	63.170.666
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.016.450.800	6.382.969.680
Lãi bán hàng trả chậm	281.118.022	374.297.063
Doanh thu hoạt động tài chính khác	30.598.155	194.760.582
Cộng	<u>9.403.778.638</u>	<u>7.174.425.769</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	46.946.799.311	58.547.951.661
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(989.647.550)	(954.159.800)
Trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.372.720.950	4.234.185.144
Chi phí khác	2.222.393.992	823.934.436
Cộng	<u>60.552.266.703</u>	<u>62.651.911.441</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	9.533.198.421	6.341.623.572
Chi phí vật liệu	1.515.536.529	14.538.346
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.376.100.590	1.861.280.429
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	6.950.956.246	4.296.594.207
Chi phí sửa chữa hoàn thiện các dự án nhà đã bán	14.100.000	3.379.852.512
Chi phí quảng cáo	465.213.483	157.885.455
Chi phí điện nước, điện thoại	794.394.324	992.244.387
Chi phí khác	3.344.933.414	3.107.482.631
Cộng	<u>27.994.433.007</u>	<u>20.151.501.539</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	7.689.834.183	5.185.864.769
Chi phí vật liệu quản lý	130.630.912	379.798.692
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.307.328.084	1.258.549.349
Thuế, phí và lệ phí	10.000.000	10.000.000
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.187.446.542	2.303.435.758
Chi phí khác	3.157.787.271	2.887.847.698
Cộng	<u>13.483.026.992</u>	<u>12.025.496.266</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	275.773.521	154.584.602
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	659.840.000	1.470.153.050
Thu nhập khác	1.897.517.777	13.680.440
Cộng	<u>2.833.131.298</u>	<u>1.638.418.092</u>

9. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Phạt do vi phạm hợp đồng	1.578.065.378	
Chi phí bảo hành nhà các năm trước		996.423.234
Chi phí khác	101.717.477	896.958.206
Cộng	<u>1.679.782.855</u>	<u>1.893.381.440</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	178.134.371.681	397.180.666
Chi phí nhân công	22.948.340.401	11.830.958.341
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.053.071.015	3.119.829.778
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.355.698.654	6.098.825.781
Chi phí khác	8.855.618.731	12.755.339.546
Cộng	<u>238.347.100.482</u>	<u>34.202.134.112</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Văn phòng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Văn phòng Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tiền lương	780.000.000	798.000.000
Tiền thưởng	168.000.000	172.000.000
Cộng	948.000.000	970.000.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Văn phòng Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV tư vấn đầu tư xây dựng Việt	Công ty con
Công ty TNHH MTV cửa sổ mùa xuân	Công ty con
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex	Công ty con
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Công ty con
Công ty liên doanh TNHH SinViet	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Trường Đại học quốc tế Miền Đông	Công ty liên kết
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần dược Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị (UDJ)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật (IJC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam - Singapore	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương (ITC)	Công ty liên kết của Công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trình bày tại thuyết minh VI.1b, Văn phòng Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV		
Mua điện	255.959.999	154.930.909
Cổ tức phải trả	60.700.500.000	60.700.500.000
Nhận chuyển nhượng đất		956.306.254.766

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<i>Công ty cổ phần khoáng sản Becamex</i>		
Mua nguyên vật liệu	10.551.943.944	13.190.078.883
Cổ tức được chia	520.450.800	
Công ty cổ phần Dược Becamex		
Cổ tức được chia		70.000.000
Công ty cổ phần Bê tông Becamex		
Sửa chữa phân xưởng	57.336.841	

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Ngoài ra, Văn phòng Công ty còn dùng 16 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tổng diện tích là 119.296,1 m² nằm trong Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương làm tài sản đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu cho Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.15, V.16, V.19, V.20a, V.22 và V.23b.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ.

2a. Lĩnh vực kinh doanh

Văn phòng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản: xây dựng và kinh doanh các căn hộ.

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh theo bộ phận của Văn phòng Công ty được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

2b. Khu vực địa lý

Hoạt động của Văn phòng Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Căn cứ theo biên bản kiểm toán nhà nước ngày 18/05/2016 V/v kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 và biên bản kiểm tra thuế năm 2013-2014 ngày 14/04/2016. Công ty đã trình bày lại các số liệu, Chi tiết như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước trình bày lại</u>	<u>Số liệu điều chỉnh</u>	<u>Số liệu trình bày lại</u>
<i>Báo cáo cân đối kế toán văn phòng</i>				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.111.516.722.510	58.782.933.001	1.170.299.655.511
Hàng tồn kho	141	3.688.087.672.528	(32.769.584.869)	3.655.318.087.659
Thuế GTGT được khấu trừ	152	274.783.766.291	(16.313.612.220)	258.470.154.071
Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153	1.224.593.222	3.325.166.463	4.549.759.685



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trước trình bày lại	Số liệu điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	147.527.917.161	19.771.288.294	167.299.205.455
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	1.615.441.293.732	(18.728.121.387)	1.596.713.172.345
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	33.970.437.042	3.357.584.692	37.328.021.734
Phải trả ngắn hạn khác	319	199.939.266.631	394.959.087	200.334.225.718
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	53.415.221.915	10.315.525.503	63.730.747.418

Bình Dương, ngày 18 tháng 07 năm 2016



Đỗ Ngọc Yến
Người lập biểu



Lý Thị Bình
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lộ 1, đường Đông Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

6 Tháng đầu Năm 2016

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	1.000.000.000,000	1.841.123.840	4.640.739.814	41.869.524.647	70.033.688.968	1.118.385.077.269
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	(77.180.821.434)	(77.180.821.434)
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	-	-	-	(7.289.038.228)	(7.289.038.228)
Chia cổ tức trong kỳ trước	-	-	-	-	(100.000.000.000)	(100.000.000.000)
Phân phối các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu kỳ	-	-	-	-	-	-
Danh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ trước	1.000.000.000,000	1.841.123.840	4.640.739.814	41.869.524.647	(114.436.170.694)	933.915.217.607
Số dư đầu kỳ này	1.000.000.000,000	1.841.123.840	4.640.739.814	41.869.524.647	63.730.747.418	1.112.082.135.719
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	(32.406.972.130)	(32.406.972.130)
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	-	(7.086.901.604)	(7.086.901.604)
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	-	(100.000.000.000)	(100.000.000.000)
Phân phối các quỹ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu kỳ	-	-	-	-	-	-
Danh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	1.000.000.000,000	1.841.123.840	4.640.739.814	41.869.524.647	(75.763.126.316)	972.588.261.985



Đỗ Ngọc Viên
Người lập biểu



Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

